



Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI NỘI BỘ
LIST OF INTERNAL PERSONS AND THEIR AFFILIATED PERSONS

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage
1	Dương Thanh Huyền	Chủ tịch HĐQT Chair man of the Board of Directors	-	0,00%
1.01	Dương Trung Quốc			
1.02	Nguyễn Thị Thu Hằng			
1.03	Phạm Văn Hội			
1.04	Lê Thị Thảo			
1.05	Phạm Thành Đô			
1.06	Dương Thu Nga			
1.07	Phùng Quốc Đức			
1.08	Phạm Thành An			
1.09	Phạm Quốc Anh			

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Postion at the company (if any)</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage
2	Mai Tiến Dũng	Thành viên hội đồng quản trị/Tổng Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật <i>Board Member/ General Director/ Legal Representative</i>	119.244	0,57%
2.01	Mai Văn Tuấn			
2.02	Hoàng Thị Tài			
2.03	Lê Tự Nhiên			
2.04	Lý Thị Hồng Vui			
2.05	Lê Thị Hương Giang			
2.06	Mai Trúc Quỳnh			
2.07	Mai Anh Quân			
2.08	Mai Sỹ Tuấn			
2.09	Chu Thuý Hà			
2.10	Mai Trọng Đức			
2.11	Cung Thị Tuyết Mai			

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Postion at the company (if any)</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage</i>
3	Nguyễn Văn Quang	- Thành viên hội đồng quản trị /Board member - Giám đốc Chi nhánh Vinacontrol Hải Phòng/Director of Vinacontrol Hai Phong	250.000	1,19%
3.01	Nguyễn Văn Thái			
3.02	Nguyễn Thị Nhi			
3.03	Phạm Quang Bầu			
3.04	Nguyễn Thị Lộc			
3.05	Phạm Thị Kim Dung			
3.06	Nguyễn Lan Trang			
3.07	Nguyễn Trang Nhung			
3.08	Nguyễn Văn Nguyên			
3.09	Nguyễn Thị Lan			
3.10	Nguyễn Văn Soái			
3.11	Nguyễn Thị Ong			
3.12	Nguyễn Thị Vinh			

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Postion at the company (if any)</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage</i>
3.13	Nguyễn Văn Thanh			
3.14	Nguyễn Thị Xuân			
3.15	Nguyễn Trung Việt			
4	Phạm Ngọc Dũng	Thành viên hội đồng quản trị <i>Board Member</i>	882.590	4,20%
4.01	Phạm Oanh			
4.02	Trần Thị Mai			
4.03	Nguyễn Thị Hạc		409.198	1,95%
4.04	Nguyễn Văn Phận			
4.05	Nguyễn Thị Hào			
4.06	Phạm Ngọc Thành			
4.07	Trần Thị Cẩm Châu			
4.08	Phạm Ngọc Tuấn			
4.09	Nguyễn Thị Hương			

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Postion at the company (if any)</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage
4.10	Phạm Mạnh Cường		97.558	0,46%
4.11	Nguyễn Thị Hà Trang			
4.12	Phạm Kim Khánh		840.000	4,00%
5	Lê Ngọc Lợi	Thành viên hội đồng quản trị <i>Board Member</i>	291.976	1,39%
5.01	Lê Ngọc Liên			
5.02	Nguyễn Thị Xuân Loan			
5.03	Trần Thị Mai Anh			
5.04	Trần Thúc Duyệt			
5.05	Võ Thị Cháu			
5.06	Lê Ngọc Linh			
5.07	Lê Thị Ngọc Lệ			
5.08	Lê Thị Ngọc Lài			
5.09	Lê Thị Ngọc Lan			
5.10	Lê Việt Long			

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage
5.11	Lê Ngọc Phương Anh			
6	Phùng Tấn Phú	- Thành viên hội đồng quản trị /Board member - Giám đốc Chi nhánh Vinacontrol Đà Nẵng/Director of Vinacontrol Danang	468.098	2,23%
6.01	Phùng Tấn Hoàng			
6.02	Trần Thị Đăng			
6.03	Trần Thu Trang			
6.04	Trần Quốc Cẩm			
6.05	Nguyễn Thị Nhân		2.932	0,01%
6.06	Phùng Tấn Linh			
6.07	Nguyễn Thị Minh			
6.08	Phùng Thị Hoa			
6.09	Phùng Tấn Quý			
6.10	Phùng Thị Hồng Vân			
6.11	Nguyễn Hữu Dương			

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Postion at the company (if any)</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage</i>
6.12	Phùng Lam Quỳnh			
6.13	Phùng Quốc Triệu			
6.14	Phùng Nam Trân			
7	Nguyễn Hồng Lâm	Thành viên hội đồng quản trị <i>Board Member</i>	-	0,00%
7.01	Nguyễn Minh Khanh			
7.02	Võ Hải Đường			
7.03	Phạm Thắng Lợi			
7.04	Nguyễn Thị Mùi			
7.05	Phạm Thuỳ Linh			
7.06	Nguyễn Hồng Minh			
7.07	Nguyễn Ngọc Linh Trang			
7.08	Nguyễn Hồng Vân			
7.09	Nguyễn Mạnh Cường			

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Postion at the company (if any)</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage</i>
7.10	Công ty cổ phần Công nghệ giáo dục Trường học trực tuyến			
7.11	Công ty Cổ phần PTP			
8	Nguyễn Quốc Minh	Thành viên hội đồng quản trị <i>Board Member</i>	52.454	0,25%
8.01	Hoàng Thị Nga			
8.02	Nguyễn Xuân Diệu			
8.03	Hoàng Đức Phương			
8.04	Nguyễn Thị Lan			
8.05	Hoàng Thị Hương Giang			
8.06	Nguyễn Hoàng Hà			
8.07	Nguyễn Hồng Quang			
8.08	Nguyễn Quốc Bình			
8.09	Nguyễn Hoàng An			

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage</i>
8.10	Nguyễn Hoàng Hương Dung			
8.11	Lê Chí Công			
8.12	Nguyễn Thị Thu Hiền			
9	Phan Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc kiêm Người được uỷ quyền công bố thông tin/ <i>Deputy General Director/ Authorized Information Disclosure Representative</i>	142.732	0,68%
9.01	Phan Văn Thiêm			
9.02	Trần Thị Xuân			
9.03	Trương Kim Lương			
9.04	Đặng Thị Diệu			
9.05	Trương Thị Mai Hoa			
9.06	Phan Tùng Sơn			
9.07	Phan Tùng Hưng			
9.08	Phan Văn Hải			

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage</i>
9.09	Trần Thị Lan			
9.10	Ngô Thị Khánh Huyền			
10	Lê Thanh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc <i>Deputy General Director</i>	-	0,00%
10.01	Lê Phước Ninh			
10.02	Tạ Mỹ Dung			
10.03	Nguyễn Thị Sương			
10.04	Nguyễn Thị Mai Anh			
10.05	Lê Nam Khánh			
10.06	Lê Minh Quang			
10.07	Lê Nữ Thục Anh			
10.08	Lê Phước Anh			
10.09	Mai Thu Trang			
11	Lưu Ngọc Hiền	Kế toán trưởng <i>Chief Accountant</i>	162.088	0,77%
11.01	Lưu Văn Nghi			

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Postion at the company (if any)</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage</i>
11.02	Nguyễn Thị Mật			
11.03	Vũ Văn Ngọ			
11.04	Nguyễn Thị Tiến			
11.05	Vũ Minh Nguyệt			
11.06	Lưu Ngọc Hiệp			
11.07	Hà Ngọc Mai			
11.08	Lưu Minh Châu			
11.09	Lưu Thị Thìn			
11.10	Ngô Văn Các			
11.11	Lưu Thị Tuất			
11.12	Ngô Văn Tiến			
11.13	Lưu Thị Hoà			
11.14	Trần Xuân Thiệp			
11.15	Lưu Ngọc Nửa			
11.16	Đặng Thị Luật			

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Postion at the company (if any)</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage
12	Nguyễn Thị Thuỷ Ngân	Trưởng Ban Kiểm soát <i>Head of the supervisory board</i>	1.464.694	6,97%
12.01	Nguyễn Đức Hợp			
12.02	Lê Thị Nguyên			
12.03	Phạm Văn Đảo			
12.04	Đỗ Thị Nhài			
12.05	Phạm Văn Hào			
12.06	Phạm Thành Vương			
12.07	Phạm Thành Bảo Long			
12.08	Nguyễn Thị Thuỷ Nga			
12.09	Gavin Michael Gross			
13	Cao Quý Lân	Thành viên Ban Kiểm soát <i>Member of the supervisory board</i>	-	0,00%
13.01	Cao Quý Long			
13.02	Nguyễn Thị Hiền			
13.03	Đặng Thị Thuyết			

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Postion at the company (if any)</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage</i>
13.04	Đặng Đình Mớ			
13.05	Nguyễn Thị Thời			
13.06	Cao Mạnh Linh			
13.07	Cao Thanh Liêm			
13.08	Phạm Phương Hồng			
13.09	Đoàn Thị Minh Hải			
13.10	Cao Thiện Nhân			
14	Bùi Duy Anh	Thành viên Ban Kiểm soát <i>Member of the supervisory board</i>	25.046	0,12%
14.01	Bùi Duy Chính		1.900.722	9,05%
14.02	Đoàn Bích Hồng			
14.03	Văn Phú Nga			
14.04	Huỳnh Thị Giác			
14.05	Văn Thị Tuyết Sương			
14.06	Bùi Băng Băng			



STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage</i>
14.07	Bùi Duy Minh			
14.08	Bùi Băng Di			
14.09	Bùi Phương Thảo			
14.10	Ngô Trọng Duy			
14.11	Bùi Đoàn Ngọc Anh			
15	Đào Nguyễn Thiên Nga	Người phụ trách quản trị Công ty <i>Person in charge of the Company's administration</i>	120.000	0,57%
15.01	Đào Bá Dương			
15.02	Nguyễn Viết Lệ Uyên			
15.03	Nguyễn Kim Truy			
15.04	Hà Thị Mai Khang			
15.05	Nguyễn Kim Quang			
15.06	Đỗ Thị Phương Thảo			
15.07	Nguyễn Kim Vũ			
15.08	Đào Thanh Tùng			